TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đăng Ninh, ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: xóm P, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn X, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021, bản tự khai ngày 12/4/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn X kết hôn với nhau vào ngày 18/6/2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 5/2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Trương Thị Thùy L sinh ngày 19/5/2019. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Trương Văn X: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh X (thông qua người thân trong gia đình) nhưng anh X đều vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh X vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh X vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh X.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L, cho chị L được ly hôn anh X; về con: giao cháu Trương Thị Thùy L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trương Văn X. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Trương Văn X vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh X.

* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Trương Văn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 5/2020 đến nay. Qua xác minh tại địa phương, ông Đặng Văn T, trưởng thôn 2, xã T có ý kiến: sau khi kết hôn, vợ chồng anh X, chị L chung sống bình thường, thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chị L bế con về bên ngoại ở Hòa Bình sinh sống, hiện tại chị L và anh X đã ly thân nhau. Từ những mâu thuẫn nêu trên, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không đạt được, bản thân anh X cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị L, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh X là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có một con chung là Trương Thị Thùy L sinh ngày 19/5/2019. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu L còn nhỏ tuổi và hiện đang ở cùng với mẹ, còn anh X không có ý kiến gì, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, còn anh X không có ý kiến gì, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L, cho chị L được ly hôn anh Trương Văn X.

2. Về con: Giao cháu Trương Thị Thùy L sinh ngày 19/5/2019 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trương Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Anh X có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí toà án số AA/2019/0011010 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị L đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trương Văn X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến